

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 20- 03-2025.

V/v tranh chấp “Thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Duyên

2. Ông Lê Thành Chí

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 461/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNHGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: số A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Cẩm T, sinh năm 1997. Địa chỉ: số A ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Nhật Q trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị Cẩm T đã kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh

Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 08 năm 2018, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, trong thời gian sống chung anh và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/8/2018. Đến năm 2022 thì tôi và chị T thuận tình ly hôn với nhau và được Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2022. Theo nội dung quyết định chị Đỗ Thị Cẩm T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018, chị T tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Anh có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Nhưng thực tế thì sau khi anh và chị T ly hôn, cháu Nguyễn Hải Đ do cha mẹ anh trực tiếp chăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cha anh tên Nguyễn Văn L, mẹ tên Trần Thị L1. Sau khi ly hôn cháu Đ sống cùng cha mẹ anh tại địa chỉ A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi ly hôn, anh sống cùng bạn gái Nguyễn Thị D ở xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tuy anh không sống cùng cháu Đ nhưng vẫn thường xuyên tới lui thăm con, có đưa tiền cho ông bà nội chăm sóc cháu Đ. Sau khi ly hôn chị T sinh sống ở thị trấn B một thời gian, thời gian sau chị T về ở tại ấp T, xã G, huyện T, thời gian đầu chị T có thường thăm nom con khoảng 01 tháng hoặc 02 tháng chị T có đến thăm con lần, có cấp dưỡng nuôi con được ba tháng là tháng 5, tháng 6, tháng 7 năm 2022, từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay chị T không có cấp dưỡng nuôi con. Đến tháng 08 năm 2024 anh về nhà riêng của anh tại số D, đường số A khu đô thị V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, sống cùng cháu Đ, mẹ anh là Trần Thị L1 và bạn gái của anh tên là Nguyễn Thị Diễm. Anh và chị Nguyễn Thị Diễm S chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị D có hai con riêng nhưng không sống cùng anh và chị D mà sống cùng bà ngoại ở xã A. Mẹ anh hằng ngày là người lo cơm nước và chở cháu Đ đi học. Anh, chị D và mẹ anh chăm sóc cháu Đ có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định, hiện cháu Đ đang học lớp 1 tại trường tiểu học N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Cháu Đ hiện có biểu hiện của bệnh tự kỷ nhẹ, có đi khám bệnh và được chẩn đoán ở Bệnh viện N1, Thành phố Hồ Chí Minh, chẩn đoán F90.0 rối loạn của hoạt động và chú ý. Đến ngày 13 tháng 11 năm 2024 chị T chở cháu Đ về Thạnh P ở cho đến nay. Lý do anh yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là do chị Đỗ Thị Cẩm T hiện nay đã kết hôn với người khác, chị T không có thu nhập ổn định, chị T sống cùng cha mẹ, chị gái và các cháu, không có nhà riêng, không có tài sản để chăm sóc con chu đáo, cuộc sống hiện nay của chị T gặp nhiều khó khăn, không có việc làm không có thu nhập ổn định nên không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hải Đ. Để ổn định đời sống của con và đảm bảo việc chăm sóc giáo dục con, đảm bảo cho con có cuộc sống tốt, môi trường học tập tốt cho con, anh yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi

con, giao cho anh được trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện làm nghề cơ khí, thu nhập hơn 10 triệu tháng, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Quá trình chị T chăm sóc cháu Đ chị T không có cản trở anh thực hiện việc thăm nom, chăm sóc cháu Đ. Anh không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Đỗ Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Nhật Q đã kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 08 năm 2018, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống chị và anh Q có một con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/8/2018. Đến năm 2022 thì chị và anh Q thuận tình ly hôn với nhau và được Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2022. Theo nội dung quyết định chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng thực tế thì sau khi ly hôn chị ở cùng với cháu Đ ở nhà riêng của anh Q ở số D, đường số A khu đô thị V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, do chị đi làm công ty I ở thị trấn B, tỉnh Bến Tre. Do chị thường xuyên đi làm nên có nhờ ông bà nội của cháu là ông Nguyễn Văn L và Trần Thị L1 đưa rước cháu, chăm sóc cháu. Sau khi ly hôn anh Q sống cùng bạn gái tên Nguyễn Thị D ở xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Chị đi làm có đưa tiền phụ cha mẹ anh Q chăm sóc con. Đến tháng 12 năm 2022, chị và anh Tạ Tường C được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chuyển về sinh sống cùng nhau ở địa chỉ xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Từ tháng 12 năm 2022 chị để cháu Đ sống cùng ông bà nội tại địa chỉ 11C/A1 khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Đến tháng 7 năm 2023, chị nghỉ làm ở công ty I ở B, chuyển về T sinh sống, chị có yêu cầu cha mẹ anh Q đưa cháu Đ lại cho chị chăm sóc, nhưng cha mẹ anh Q không đồng ý. Từ tháng 11 năm 2024 đến nay chị đã đưa cháu Đ về Thạnh Phú sống cùng chị ở xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. Hiện chị sống cùng cha mẹ, chị gái và các cháu con của chị gái tại địa chỉ ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. Chị hiện sống chung như vợ chồng với anh Tạ Tường C nhưng không có đăng ký kết hôn, anh C hiện làm nghề đi biển, 06 tháng đi biển mới vào đất liền một lần, mỗi lần vào đất liền thì ở nhà khoảng 15 ngày đến 20 ngày, mỗi lần anh C vào đất liền sẽ về nhà chị sống cùng chị và gia đình chị ở ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì chị không đồng ý, chị không đồng ý để anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ. Lý do: anh Q hiện đã sống chung với chị Nguyễn Thị D, không đảm bảo điều kiện chăm sóc cháu Đ tốt. Cháu Đ hiện có biểu hiện của bệnh tự kỷ nhẹ, có đi khám bệnh và được chẩn

đoán ở Bệnh viện N1, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi chị rước cháu Đ về Thanh Phú sinh sống, chị chăm sóc cháu tốt, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, phát triển bình thường, hiện cháu Đ đang đi học tại trường tiểu học G, huyện T. Hiện nay chị sinh sống bằng nghề chăn nuôi dê và kết cườm, thu nhập mỗi tháng khoảng 7, 8 triệu, đảm bảo đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hải Đ. Quá trình chị chăm sóc cháu Đ chị không có cản trở anh Q thăm nom chăm sóc cháu Đ. Chị không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, không thuộc gia đình có công với cách mạng.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Nhật Q. Giao cháu Nguyễn Hải Đ cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Nhật Q yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với chị Đỗ Thị Cẩm T nên đây là tranh chấp “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Đỗ Thị Cẩm T cư trú tại ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Anh Nguyễn Nhật Q và chị Đỗ Thị Cẩm T có một người con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018.

Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến

Tre, anh Q và chị T đã thoả thuận: giao cho chị Đỗ Thị Cẩm T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hải Đ.

Nay anh Nguyễn Nhật Q khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018. Lý do anh Q yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là do chị Đỗ Thị Cẩm T hiện nay đã kết hôn với người khác, chị T không có thu nhập ổn định, chị T sống cùng cha mẹ, chị gái và các cháu, không có nhà riêng, không có tài sản để chăm sóc con chu đáo, cuộc sống hiện nay của chị T gặp nhiều khó khăn, không có việc làm không có thu nhập ổn định nên không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hải Đ. Để ổn định đời sống của con và đảm bảo việc chăm sóc giáo dục con, đảm bảo cho con có cuộc sống tốt, môi trường học tập tốt cho con, nên anh yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“...2. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.”

Quá trình giải quyết vụ án Tòa ra đã ban hành Thông báo yêu cầu anh Q phải giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh chị T không còn đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con; không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nhưng anh Q không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh chị T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh chỉ cung cấp được giấy xác nhận mức lương của mình. Chị T cũng không đồng ý giao con chung lại cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với chị T đã cung cấp đơn xin xác nhận về việc thu nhập ngày 09/01/2025 (bút lục 53), với mức thu nhập là 8.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà anh Q và chị T cung cấp thì hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, cả hai bên đều có công việc và thu nhập ổn định nên đều có điều kiện về kinh tế để đảm bảo cuộc sống vật chất cho cháu Đ, đều đủ điều kiện nuôi con chung.

Tuy nhiên hiện nay cháu Đ còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi của mẹ nhiều hơn và thực tế hiện nay cháu Đ đang được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 01 năm 2025 đối với ông Phạm Văn D1 là trưởng ấp, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre có nội dung “Từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay chị T đưa cháu Nguyễn Hải Đ về ấp T, xã G, huyện T sinh sống cho đến nay. Chị T hiện sinh sống bằng nghề chăn nuôi dê, gà, vịt và kết cườm, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8 triệu đồng, cuộc sống có thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ. Gia đình chị T có lối sống tốt, chấp hành đúng quy định địa phương nơi cư trú. Chị T chăm sóc cháu Đ rất tốt, đảm bảo cho cháu Đ điều kiện học tập đầy đủ, vui chơi sinh hoạt, giải trí đầy đủ. Hiện chị T làm việc ở nhà thường xuyên có điều kiện đưa rước cháu Đ đi học, chăm sóc, nuôi dạy cháu Đ”. Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 01 năm 2025 đối với bà Huỳnh Thị Thanh L2 là giáo viên chủ nhiệm lớp 1⁴ trường tiểu học G, bà L2 cung cấp thông tin: “Cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018 hiện đang học lớp 1⁴ trường tiểu học G, huyện T, tỉnh Bến Tre. Cháu Đ bắt đầu học tại trường tiểu học G từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay. Bình thường việc đưa rước cháu Đ do mẹ cháu là Đỗ Thị Cẩm T đưa rước, chăm sóc cháu. Cháu Đ bình thường có biểu hiện kém tập trung, hay leo trèo trong lớp, hay cắt ngang, làm mất đồ, xé tập. Đồng phục, sách vở, học phí của cháu Đ được chị T đóng đầy đủ, đúng quy định. Việc đưa rước chăm sóc cháu Đ được chị T thực hiện tốt, đúng giờ, đúng quy định”. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định chị T chăm sóc cháu Đ rất tốt, đảm bảo đủ điều kiện cho cháu Đ phát triển. Xét thấy, cháu Đ đang sống với mẹ nên việc thay đổi người trực tiếp nuôi, nơi sống sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định về thể chất, tinh thần, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục và sự phát triển bình thường của cháu Đ, cũng như tâm sinh lý của cháu Đ và quyền lợi mọi mặt của cháu nên cần thiết để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ đó thấy rằng yêu cầu khởi kiện của anh Q là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh Q không được chấp nhận nên anh Q phải chịu án phí theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Nguyễn Nhật Q về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018.

Chị Đỗ Thị Cẩm T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018.

2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị Đỗ Thị Cẩm T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Nhật Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Nhật Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Chị Đỗ Thị Cẩm T trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Nhật Q trong việc chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Nhật Q phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006022 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Như Sương